

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 97/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 12 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đức Hưng và ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp Q P, xã THT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp H T, xã VT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Q P, xã THT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2017, cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa bà Trần Thị T trình bày: Về hôn nhân, vào tháng 4/1987 bà (Trần Thị T) và ông Trần Văn M chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, giữa bà và ông M không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M. Về con chung có 03 người tên là Trần Ngọc L (giới tính nữ) sinh năm 1988, Trần Trường G (giới tính nam) sinh năm 1993 và Trần Văn T (giới tính nam) sinh năm 1997. Hiện con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung là không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2017, ông Trần Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn, thời gian không còn sống chung và mâu thuẫn đúng như bà T trình bày. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, thường hay bất đồng quan điểm, xúc phạm lẫn nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung đúng như bà T trình bày, hiện con chung đều trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân: Các đương sự thống nhất trình bày về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cả hai thống nhất về thời gian chung sống, có phát sinh mâu thuẫn và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà T và ông M thống nhất xác định thời gian không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Cả hai cùng yêu cầu Tòa án chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T và ông M không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất có 03 người con chung tên là Trần Ngọc L (giới tính nữ) sinh năm 1988, Trần Trường G (giới tính nam) sinh năm 1993 và Trần Văn T (giới tính nam) sinh năm 1997. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung cả hai thống nhất xác định không có, đồng thời thống nhất không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình bà Trần Thị T phải nộp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Trần Văn M là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006736, ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phủ Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phủ Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước